

VI. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG CÁC QUỸ

1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: sử dụng để bổ sung tăng thêm vốn điều lệ, mở rộng hoạt động kinh doanh.

2. Quỹ dự trữ bắt buộc: sử dụng để đảm bảo tính an toàn cho tổ chức tín dụng cổ phần, sẵn sàng xử lý các trường hợp bất khả kháng.

3. Các quỹ khác: sử dụng theo quy định của Hội đồng quản trị phù hợp với nghị quyết thường niên của đại hội cổ đông.

Các tổ chức tín dụng cổ phần không được sử dụng các quỹ trên đây để trả lợi tức cổ phần.

VII. CÔNG TÁC KẾ TOÁN - THỐNG KÊ - KIỂM TOÁN

1. Tổ chức tín dụng cổ phần có trách nhiệm hạch toán kế toán, báo cáo tài chính theo đúng quy định tại Pháp lệnh Kế toán thống kê và các chế độ kế toán, thống kê hiện hành của Nhà nước quy định cho tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng cổ phần có trách nhiệm lập và gửi báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính, cơ quan thuế, Ngân hàng Nhà nước theo định kỳ tháng, quý, năm, gồm các báo cáo sau đây:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả kinh doanh.
- Báo cáo nguồn vốn và sử dụng vốn.
- Báo cáo trích lập và sử dụng các quỹ, phân phối lợi tức cổ phần.

Các báo cáo tháng được gửi cho các cơ quan liên quan vào ngày 10 của tháng kế tiếp. Báo cáo quý được gửi chậm nhất sau 20 ngày của quý tiếp theo. Báo cáo năm được gửi chậm nhất 90 ngày sau khi kết thúc năm.

3. Kết thúc năm tài chính, trong thời hạn 120 ngày, tổ chức tín dụng cổ phần phải thực hiện công khai tài chính. Báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán độc lập xác nhận. Bộ Tài chính có thể kiểm tra quyết toán tài chính năm đối với tổ chức tín dụng cổ phần khi thấy cần thiết.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Chế độ quản lý tài chính đối với tổ chức tín dụng cổ phần có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị báo cáo về Bộ Tài chính./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

THÔNG TƯ số 01/1999/TT-BTC ngày 04/1/1999 hướng dẫn quản lý thu chi ngân sách xã, thị trấn, phường.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ về phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước và Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý thu chi ngân sách xã, thị trấn, phường như sau:

Phần I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Ngân sách xã, thị trấn, phường là một bộ phận của ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân

xã, thị trấn, phường (dưới đây gọi chung là cấp xã) xây dựng, quản lý và Hội đồng nhân dân xã quyết định, giám sát thực hiện.

2. Ngân sách xã được xây dựng bằng các nguồn thu được phân cấp và chi thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của chính quyền xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Mọi khoản thu, chi ở xã phải được phản ánh vào ngân sách xã để Hội đồng nhân dân thảo luận, quyết định và kiểm tra thực hiện.

4. Ngân sách xã được ổn định tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu và số bổ sung của ngân sách cấp trên từ 3 đến 5 năm; thời gian cụ thể của từng thời kỳ ổn định do Thủ tướng Chính phủ quyết định khi giao dự toán ngân sách nhà nước năm đầu thời kỳ ổn định.

5. Cân đối ngân sách xã phải bảo đảm nguyên tắc chi không vượt quá nguồn thu quy định, kể cả số bổ sung từ ngân sách cấp trên (nếu có). Cụ thể:

5.1. Đối với ngân sách xã, thị trấn:

- Nhiệm vụ chi thường xuyên cân đối với các nguồn thu được phân cấp (không kể các nguồn thu để chi cho một số mục tiêu cụ thể như thu do nhân dân đóng góp, thu lao động công ích, thu kết dư), nếu thiếu được ngân sách cấp trên cấp bổ sung.

- Chi đầu tư phát triển cân đối chủ yếu từ nguồn thu nhân dân đóng góp, thu lao động công ích, từ thu ngân sách xã, thị trấn sau khi đã cân đối đủ chi thường xuyên và kết dư ngân sách xã (nếu có); ngoài ra được bổ sung một phần từ ngân sách cấp trên theo sự phân cấp của tỉnh.

5.2. Đối với ngân sách phường:

Các khoản thu được phân cấp để đảm bảo nhiệm vụ chi thường xuyên quy định, nếu thiếu được ngân sách cấp trên bổ sung, nếu thừa được bố trí chi bổ sung cho các hoạt động và sửa chữa các cơ sở văn hóa - xã hội - phúc lợi của phường.

6. Quản lý ngân sách xã theo nguyên tắc dân chủ, công khai:

- Dự toán, quyết toán ngân sách xã hàng năm đã được cấp có thẩm quyền quyết định, các chương trình, dự án do Nhà nước, tổ chức, cá nhân đầu tư trực tiếp cho xã, các khoản tiền ủy quyền cho xã

thực hiện, kết quả thanh tra, kiểm tra phải thông báo cho nhân dân biết.

- Dự án huy động sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân cho ngân sách xã để xây dựng cơ sở hạ tầng trước khi trình Hội đồng nhân dân xã hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định phải lấy ý kiến nhân dân, sau khi thực hiện phải thông báo kết quả cho nhân dân biết.

7. Xã có nhiệm vụ quản lý các loại tài sản công của xã kể cả tài sản của Nhà nước, tài sản vắng chủ nằm trên địa bàn xã chưa rõ cơ quan nào quản lý.

8. Tổ chức Ban Tài chính xã:

- Ủy ban nhân dân xã phải tổ chức Ban Tài chính để giúp Ủy ban nhân dân xã xây dựng và thực hiện dự toán thu chi ngân sách, lập báo cáo ngân sách hàng tháng, quyết toán ngân sách năm, tổ chức quản lý tài sản và tài chính nhà nước trên địa bàn theo quy định.

- Ban Tài chính gồm có:

+ Một Trưởng ban là ủy viên Ủy ban nhân dân phụ trách công tác tài chính.

+ Phụ trách kế toán có trình độ chuyên môn nghiệp vụ (tối thiểu phải có trình độ sơ cấp đối với miền núi hoặc trung cấp đối với các vùng khác).

+ Một thủ quỹ (hoặc có thể một cán bộ xã kiêm nhiệm).

Việc tuyển chọn và chế độ đối với cán bộ tài chính kế toán xã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/1/1998 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 99/LT ngày 19/5/1998 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Phần II

NỘI DUNG THU, CHI CỦA NGÂN SÁCH XÃ

A. NỘI DUNG THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN

a) Nguồn thu của ngân sách xã, thị trấn:

1. Các khoản thu một trăm phần trăm (100%) để tại xã:

- Thuế môn bài các cá nhân, hộ kinh doanh từ bậc 4 đến bậc 6 kể cả số thu khoán;

- Các khoản phí, lệ phí quy định thu vào ngân sách xã, thị trấn;

- Các khoản thu từ hoạt động các sự nghiệp kinh tế, văn hóa - xã hội, sự nghiệp khác;

- Các khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân gồm: các khoản đóng góp theo quy định của pháp luật; đóng góp theo quyết định của Hội đồng nhân dân xã và đóng góp tự nguyện khác. Trường hợp các khoản huy động đóng góp để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chưa xác định rõ, khi tiến hành sẽ lập dự toán riêng và phải phản ánh vào ngân sách trong quá trình thực hiện;

- Thu từ sử dụng quỹ đất công ích 5% và hoa lợi công sản khác do xã, thị trấn quản lý;

- Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức và cá nhân ở ngoài nước trực tiếp cho xã, thị trấn;

- Thu kết dư ngân sách năm trước;

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) với ngân sách cấp trên:

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp (tối thiểu để lại cho xã 20%);

- Thuế chuyển quyền sử dụng đất;

- Thuế nhà, đất;

- Tiền sử dụng đất;

- Thuế giá trị gia tăng không kể thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu;

- Thuế thu nhập doanh nghiệp không kể thuế thu nhập của các đơn vị hạch toán toàn ngành và thu xổ số kiến thiết;

- Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;

- Thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài;

- Thu sử dụng vốn ngân sách.

- Thuế tài nguyên;

- Lệ phí trước bạ nhà, đất;

- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa sản xuất trong

nước thu vào các mặt hàng bài lá, hàng mã, vàng mã và các dịch vụ kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê, kinh doanh gôn: bán vé hội viên, vé chơi gôn, kinh doanh ca-si-nô, trò chơi bằng máy giắc pốt, kinh doanh vé đặt cược: đua ngựa, đua xe.

Nguồn thu phân cấp và tỷ lệ phân chia cụ thể của từng nguồn thu trên đây cho xã do tỉnh quyết định trên cơ sở yêu cầu chi và số thu trên địa bàn của xã.

3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên cho xã có 2 loại:

- Bổ sung để cân đối ngân sách: là khoản thu được xác định trên cơ sở giữa dự toán chi được giao và các nguồn thu được phân cấp (các khoản thu 100% và các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm), nếu thiếu được ngân sách cấp trên cấp bổ sung. Số bổ sung này được ổn định từ 3 đến 5 năm, hàng năm được tăng thêm một phần theo tỷ lệ trượt giá và tốc độ tăng trưởng kinh tế do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

- Bổ sung cho các mục tiêu, chương trình của Nhà nước từng năm (nếu có) tùy theo khả năng ngân sách và chủ trương chung.

Ngoài các khoản thu trên xã không tự đặt ra các khoản thu riêng trái với quy định của pháp luật.

b) Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, thị trấn.

1. Chi thường xuyên về:

1.1. Công tác xã hội và hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao do xã, thị trấn quản lý:

- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã, thị trấn nghỉ việc theo Quyết định số 130/CP, Quyết định số 111/HĐBT được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ (không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc 1 lần của cán bộ xã, thị trấn nghỉ việc từ ngày 01 tháng 1 năm 1998 trở về sau do tổ chức bảo hiểm xã hội chi); chi thăm hỏi các gia đình chính sách; cứu tế xã hội và công tác xã hội khác;

- Hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, truyền thanh do xã, thị trấn tổ chức.

1.2. Hỗ trợ các lớp bổ túc văn hóa, trợ cấp nhà

trẻ, lớp mẫu giáo, kể cả trợ cấp cho giáo viên mẫu giáo và cô nuôi dạy trẻ do xã, thị trấn quản lý.

1.3. Sự nghiệp y tế:

- Mua sắm trang bị hoặc bổ sung đồ dùng chuyên môn phục vụ khám, chữa bệnh.

- Phòng bệnh và sự nghiệp y tế khác.

Riêng chi về sinh hoạt phí và các khoản phụ cấp cán bộ y tế công tác tại xã, thị trấn do ngân sách cấp tỉnh chi (đối với tỉnh không phân cấp nhiệm vụ chi y tế cho huyện) hoặc ngân sách cấp huyện chi (đối với tỉnh có phân cấp nhiệm vụ chi y tế cho cấp huyện).

1.4. Quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình phúc lợi, đường giao thông do xã, thị trấn quản lý như: bảo dưỡng sửa chữa trường học, trạm y tế, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, nhà văn hóa, đài tưởng niệm; dặm vá, sửa chữa các cầu, đường giao thông, công trình cấp và thoát nước công cộng; riêng đối với thị trấn còn có sửa chữa vỉa hè, đường phố nội thị, đèn chiếu sáng, công viên, cây xanh...

1.5. Hoạt động của các cơ quan nhà nước xã, thị trấn bao gồm:

- Sinh hoạt phí theo mức quy định hiện hành;
- Sinh hoạt phí cho đại biểu Hội đồng nhân dân;
- Các khoản phụ cấp theo quy định của Nhà nước;
- Phúc lợi tập thể, y tế, vệ sinh;
- Công tác phí;

- Chi về hoạt động văn phòng như: tiền nhà, điện, nước, thấp sáng, vật liệu văn phòng, bưu phí, điện thoại, hội nghị, chi tiếp tân, khánh tiết;

- Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên nhà cửa, phương tiện làm việc;

- Chi khác.

1.6. Các khoản sinh hoạt phí và kinh phí hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam của xã, thị trấn sau khi đã trừ đi khoản thu đảng phí theo điều lệ và các khoản thu khác (nếu có).

1.7. Các khoản sinh hoạt phí và kinh phí hoạt động (kể cả hoạt động phí phó đoàn thể) của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng

sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam của xã, thị trấn sau khi trừ các khoản thu khác (nếu có).

1.8. Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ xã, thị trấn và các đối tượng khác theo chế độ hiện hành.

1.9. Công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội:

- Huấn luyện dân quân tự vệ do xã, thị trấn triệu tập;

- Các khoản phụ cấp huy động dân quân tự vệ theo quy định của Pháp lệnh dân quân tự vệ;

- Đăng ký nghĩa vụ quân sự, tiễn đưa thanh niên đi nghĩa vụ quân sự;

- Tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã, thị trấn;

- Các khoản chi khác.

1.10. Các khoản chi nhằm khuyến khích phát triển các sự nghiệp kinh tế như khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm, nuôi dưỡng phát triển nguồn thu ngân sách xã, thị trấn.

1.11. Các khoản chi khác theo quy định.

2. Chi đầu tư phát triển.

Chi đầu tư phát triển đối với ngân sách xã, thị trấn gồm: chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội theo sự phân cấp của cấp tỉnh từ nguồn ngân sách và nguồn huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án, mục tiêu nhất định.

B. NỘI DUNG THU, CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG

a) Nguồn thu của ngân sách phường:

- Các khoản thu 100% cơ bản như các khoản thu 100% quy định cho xã trừ thuế môn bài của các cá nhân, hộ kinh doanh kể cả số thu khoán; các khoản thu huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Đối với các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm với ngân sách cấp trên, ngân sách phường không được phân cấp các nguồn thu sau:

- + Thuế nhà đất;
- + Thuế chuyển quyền sử dụng đất;
- + Tiền cấp quyền sử dụng đất.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên như quy định cho xã.

Ngoài các nguồn thu trên, phường không tự đặt ra các khoản thu riêng trái với quy định của pháp luật.

b) Nhiệm vụ chi của ngân sách phường:

Về chi, phường đảm bảo các khoản chi sau đây:

1. Công tác xã hội và hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, truyền thanh do phường quản lý:

- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ phường nghỉ việc theo Quyết định số 130/CP, Quyết định số 111/HĐBT (như quy định đối với cán bộ xã, thị trấn nghỉ việc), chi thăm hỏi các gia đình chính sách, cứu tế xã hội;

- Hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, truyền thanh do phường tổ chức.

2. Hoạt động của cơ quan nhà nước của phường.

3. Các khoản sinh hoạt phí và kinh phí hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam của phường sau khi đã trừ tiền thu đảng phí và các khoản thu khác (nếu có).

4. Các khoản sinh hoạt phí và kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam của phường sau khi trừ thu đoàn phí, hội phí và các khoản thu khác (nếu có).

5. Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ phường.

6. Công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội.

7. Các khoản chi khác theo quy định.

C. ĐỊNH MỨC CHI TỔNG HỢP CHO XÃ, PHƯỜNG

Định mức chi ngân sách xã là mức chi tính cho đầu xã nhằm đảm bảo cho xã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Nhà nước. Mức chi này là mức tổng hợp được xác định trên cơ sở các chính sách, chế độ thống nhất của Nhà nước phù hợp với khả năng cân đối chung của ngân sách nhà nước và ngân sách từng địa phương. Định mức là cơ sở để lập và phân bổ dự toán ngân sách ở xã.

Định mức gồm 2 phần:

Phần 1- Phần cơ bản được xác định trên cơ sở chính sách, chế độ của Nhà nước đối với cán bộ xã như:

- Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/1/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 50/CP ngày 26/7/1995 quy định về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, thị trấn, phường.

- Quyết định số 58/TTg ngày 03/2/1994 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số vấn đề về tổ chức và chế độ chính sách đối với y tế cơ sở.

- Quyết định số 394/TTg ngày 11/6/1996 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ sinh hoạt phí đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

- Quyết định số 164/TCCP ngày 29/6/1995 của Ban Tổ chức Chính phủ về việc ban hành quy chế tạm thời về tổ chức bản ở các xã miền núi, vùng cao và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng bản.

- Nghị định số 35/CP ngày 14/6/1996 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh dân quân tự vệ.

- Các văn bản chế độ hiện hành khác...

Mức chi cơ bản bình quân: từ 100 đến 130 triệu đồng tùy theo quy mô và đặc điểm từng xã.

Mức tính trên sẽ được điều chỉnh khi có chính sách chế độ bổ sung, sửa đổi.

Phần 2- Phần chi đảm bảo cho hoạt động để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của xã. Mức chi này được xác định bằng một hệ số so với mức chi cơ bản trên.

Hệ số quy định từ 0,5 đến 1,5 lần so với mức chi cơ bản. Căn cứ vào khả năng ngân sách, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể hệ số áp dụng cho các xã, phường. Đối với các xã khai thác tốt nguồn thu có số thu cao hơn mức chi thường xuyên nói trên thì phần chênh lệch được sử dụng để đầu tư.

Riêng chi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng không tính định mức mà căn cứ vào nguồn thu huy động đóng góp và bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên, khả năng cân đối ngân sách để quyết định từng công trình, dự án cụ thể hàng năm.

Căn cứ vào định mức trên và chế độ, tiêu chuẩn của Nhà nước, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vận dụng quy định cụ thể định mức từng công việc cho phù hợp khả năng ngân sách địa phương.

Phần III

LẬP, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ

A. LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ

1. Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của tỉnh và chỉ đạo của huyện, Ủy ban nhân dân xã phải lập dự toán ngân sách năm sau để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Dự toán ngân sách xã bao gồm:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước được phân cấp cho xã quản lý.

- Dự toán chi ngân sách xã, trong đó có dự toán các khoản chi thường xuyên và dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản (nếu có).

2. Yêu cầu đối với lập dự toán ngân sách xã:

- Tính đầy đủ và chính xác các khoản thu theo quy định của Nhà nước.

- Bố trí hợp lý các nhu cầu chi, đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã.

- Dự toán phải lập theo Mục lục ngân sách nhà nước và mẫu biểu quy định của Bộ Tài chính.

3. Căn cứ lập dự toán gồm:

- Nhiệm vụ chi được phân cấp và những yêu cầu

thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã;

- Các văn bản pháp luật về thu, các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cấp có thẩm quyền quy định;

- Nguồn thu và khả năng thu theo những quy định về phân cấp quản lý ngân sách cho xã (các khoản thu 100%, các khoản thu phân chia, số bổ sung của ngân sách cấp trên);

- Số kiểm tra về dự toán ngân sách xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo;

- Tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm trước.

4. Trình tự lập dự toán ngân sách xã:

4.1. Đánh giá tình hình thực hiện ngân sách năm trước:

Hàng năm, ngay từ đầu tháng 7, các xã, phường phải căn cứ vào tình hình thực hiện ngân sách 6 tháng, ước thực hiện cả năm. Trên cơ sở đó phân tích tình hình nhằm rút kinh nghiệm cho việc lập và tổ chức thực hiện ngân sách năm sau.

4.2. Xác định khả năng thu và yêu cầu chi năm kế hoạch:

Các ban hoặc tổ chức thuộc xã, phường căn cứ vào nhiệm vụ và chế độ chi quy định để lập dự trù nhu cầu chi; Ban Tài chính xã, phường phối hợp với đội thu thuế xã (nếu có) tính toán các khoản thu ngân sách nhà nước giao cho xã quản lý và tính nguồn thu ngân sách xã. Trên cơ sở đó, Ban Tài chính tính toán cân đối, lập dự toán thu chi ngân sách xã trình Ủy ban nhân dân xã báo cáo Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã để xem xét gửi Ủy ban nhân dân và Phòng Tài chính cấp huyện. Thời gian báo cáo do tỉnh, thành phố quy định cho phù hợp với quy định tại điểm 5.1.3 mục III của Thông tư số 103/1998/TT-BTC ngày 18/7/1998 của Bộ Tài chính.

5. Quyết định dự toán ngân sách cấp xã:

Sau khi xã, phường nhận được quyết định giao nhiệm vụ thu chi ngân sách của huyện, Ban Tài chính xã có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và

phân bố dự toán thu, chi ngân sách xã. Ủy ban nhân dân xã báo cáo Ủy ban nhân dân và Phòng Tài chính huyện về dự toán ngân sách xã đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định, đồng thời thông báo công khai cho dân biết.

6. Điều chỉnh dự toán ngân sách xã hàng năm (nếu có).

Dự toán ngân sách xã được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Có yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp trên để đảm bảo phù hợp với định hướng chung.

- Có biến động lớn về nguồn thu và nhiệm vụ chi, do thiên tai, dịch họa cần thiết phải có sự điều chỉnh nhiệm vụ thu chi ngân sách.

Khi phải điều chỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành lập dự toán điều chỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện. Dự toán điều chỉnh sau khi được duyệt là dự toán ngân sách chính thức của xã trong năm kế hoạch.

7. Biểu mẫu lập dự toán ngân sách xã gồm có:

- Biểu tổng hợp cân đối thu chi ngân sách xã.
- Dự toán thu ngân sách xã theo Mục lục ngân sách nhà nước; theo loại.
- Dự toán chi ngân sách xã theo Mục lục ngân sách nhà nước; theo lĩnh vực.
- Dự toán chi đầu tư phát triển.

Ngoài các biểu mẫu cơ bản trên đây, Sở Tài chính - Vật giá có thể quy định thêm một số phụ lục để đáp ứng yêu cầu quản lý của địa phương.

B. CHẤP HÀNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ

1. Yêu cầu tổ chức thực hiện dự toán ngân sách xã:

- Đảm bảo thu đúng chế độ chính sách của Nhà nước, thu đầy đủ, kịp thời các khoản phải thu theo quy định.
- Bảo đảm kinh phí theo dự toán được duyệt, chi đúng mục đích và chính sách chế độ.

2. Lập dự toán thu, chi quý.

2.1. Căn cứ vào dự toán cả năm và khả năng thu cũng như nhu cầu chi của từng quý, Ban Tài chính lập dự toán quý (có chia ra tháng) để điều hành theo tiến độ công việc. Đối với những xã mà các nguồn thu chủ yếu theo mùa vụ, để có nguồn bảo đảm chi theo dự toán được duyệt, xã có thể đề nghị cơ quan tài chính cấp trên ưu tiên tăng tiến độ trợ cấp số bổ sung trong kế hoạch (nếu có).

2.2. Dự toán quý phải gửi Phòng Tài chính huyện và Kho bạc nhà nước nơi giao dịch làm cơ sở theo dõi thực hiện. Trường hợp nếu có tăng hoặc giảm thu so với dự toán phải báo cáo điều chỉnh.

3. Để phản ánh các hoạt động thu, chi ngân sách, xã được mở tài khoản thu, chi ngân sách tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch. Chủ tịch xã hoặc người được ủy quyền là chủ tài khoản. Ngoài ra, tùy theo yêu cầu xã còn được mở tài khoản tiền gửi để gửi các khoản tiền khác của xã (không phải tiền của ngân sách).

Đối với các xã có nhiều khó khăn chưa có điều kiện quản lý thu, chi trực tiếp qua Kho bạc thì tạm thời được phản ánh các hoạt động thu, chi ngân sách xã như hiện nay, nhưng tỉnh phải có phương án cụ thể để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo Bộ Tài chính.

4. Xã có quỹ tiền mặt tại xã để chi các khoản chi có giá trị nhỏ; đối với những xã xa Kho bạc đi lại khó khăn còn để nhập các khoản thu do xã thu nhưng chưa có điều kiện nộp trực tiếp vào Kho bạc. Định mức tồn quỹ tiền mặt tại xã do Kho bạc nhà nước nơi giao dịch quy định cho từng loại xã cho phù hợp.

5. Tổ chức thu:

Việc tổ chức thu tại xã được phân cấp như sau:

- Cơ quan thuế (các đội thu thuế ở xã nếu có) hoặc tổ chức, cá nhân được ủy nhiệm thu nộp Kho bạc nhà nước; Kho bạc nhà nước thực hiện phân chia các khoản thu theo tỷ lệ quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Đối với các xã điều kiện đi lại khó khăn, chưa giao dịch thường xuyên với Kho bạc nhà nước, số thu tại xã được giữ lại để chi; định kỳ hàng tháng

làm thủ tục ghi thu và ghi chi vào ngân sách xã. Trường hợp có thu đột xuất lớn và vượt định mức tồn quỹ tiền mặt (do thời vụ, do đấu thầu) phải nộp vào ngân sách xã tại Kho bạc nhà nước.

- Các khoản thu phải thu bằng biên lai thu hoặc phiếu thu do Bộ Tài chính thống nhất phát hành. Nghiêm cấm thu bằng ghi sổ sách, không có biên lai hoặc thu để ngoài sổ sách.

- Đối với số thu bổ sung của ngân sách xã, Phòng Tài chính huyện căn cứ vào dự toán số bổ sung của từng xã và khả năng cân đối của ngân sách huyện thông báo số bổ sung hàng quý (chia ra tháng) cho xã chủ động điều hành ngân sách. Để đảm bảo cho xã có nguồn chi, nhất là chi cho bộ máy, Phòng Tài chính cấp huyện phải cấp số bổ sung cho xã định kỳ hàng tháng. Huyện không được chi dùng vào việc khác gây trở ngại cho điều hành ngân sách của xã.

- Thu từ quỹ đất công ích (5%) và hoa lợi công sản do xã quản lý là nguồn thu quan trọng và thường xuyên của ngân sách xã hàng năm. Vì vậy xã có thể thực hiện hình thức đấu thầu, khoán thu theo mùa vụ hoặc xã tự đứng ra tổ chức sản xuất thu hoa lợi. Xã không được đấu thầu thu khoán một lần trong nhiều năm gây ảnh hưởng đến nguồn cân đối chi thường xuyên hàng năm của xã.

6. Thực hiện chi:

6.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã hoặc người được ủy quyền chịu trách nhiệm về quyết định thực hiện các khoản chi ngân sách xã.

- Việc thực hiện chi phải bảo đảm nguyên tắc:

+ Kinh phí đã được ghi trong dự toán;

+ Đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định;

+ Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc người được ủy quyền chuẩn chi;

+ Ngoài ra, việc chi tiêu ở xã phải bảo đảm "tiền nào, việc ấy" và thực hiện ưu tiên chi trả sinh hoạt phí, các khoản phụ cấp cho cán bộ xã, không để tình trạng nợ sinh hoạt phí, các khoản phụ cấp kéo dài.

6.2. Cấp phát ngân sách xã thực hiện bằng lệnh chi tiền và thanh toán dưới 2 hình thức:

- Bằng tiền mặt:

Ngân sách xã chi bằng tiền mặt trong các trường hợp chi trả:

+ Sinh hoạt phí và các khoản phụ cấp cho các cán bộ xã.

+ Công tác xã hội.

+ Hội nghị phí (trừ phần phải chuyển khoản thanh toán dịch vụ), tiếp khách, thăm hỏi.

+ Công tác phí.

+ Mua sắm các khoản trị giá nhỏ.

Khi có nhu cầu chi tiền mặt, Ban Tài chính xã căn cứ vào dự toán, chế độ chi trả hàng tháng lập lệnh chi tiền kèm theo bảng kê chứng từ và giấy xin rút tiền mặt ngân sách xã (quy định tại Văn bản số 420-TC/KBNN ngày 14/5/1998). Kho bạc nhà nước kiểm tra và xuất quỹ tiền mặt cho xã để chi theo những nội dung, yêu cầu của xã.

Đối với nguồn thu được giữ tại xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã hoặc người được ủy quyền căn cứ vào đề nghị của phụ trách kế toán quyết định chi. Định kỳ làm thủ tục ghi thu, ghi chi vào ngân sách xã kèm theo bảng kê chứng từ thu và chi.

- Bằng chuyển khoản để thanh toán các khoản mua sắm tài sản, vật tư, thanh toán cước phí và các dịch vụ cho các đơn vị cung cấp hoặc cung ứng lao vụ. Việc thanh toán này thông qua hệ thống Kho bạc nhà nước để trả trực tiếp bằng chuyển khoản cho các đơn vị cung ứng.

6.3. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: việc quản lý vốn đầu tư thực hiện theo phân cấp của tỉnh và quy định của Nhà nước. Vốn đầu tư của ngân sách xã do Ban Tài chính thẩm định và cấp phát qua Kho bạc nhà nước cấp huyện.

7. Quản lý các dự án đầu tư bằng nguồn vốn huy động đóng góp của nhân dân.

Khi có chủ trương huy động nhân dân đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, Ban Tài chính xã giúp Ủy ban nhân dân xã lập dự án huy động và sử dụng các khoản đóng góp, đưa ra lấy ý kiến của nhân dân trước khi trình Hội đồng nhân dân xã quyết định cụ thể. Đối với dự án có quy mô lớn liên quan đến quy hoạch chung phải có ý kiến của cấp có thẩm quyền trước khi quyết định.

- Việc thu các khoản đóng góp phải bảo đảm chặt chẽ:

+ Thu phải có biên lai.

+ Mở sổ sách theo dõi và phản ánh kịp thời số tiền và hiện vật.

+ Nếu thu bằng tiền phải gửi vào tài khoản riêng để quản lý và sử dụng đúng mục đích. Sau khi cấp phát thanh toán đối với các dự án, công trình của xã phải phản ánh đầy đủ vào thu chi ngân sách xã.

- Quá trình thi công và thanh toán cấp phát phải có sự giám sát của Ban giám sát công trình do dân cử.

- Kết quả đầu tư và quyết toán dự án hoặc công trình phải được thông báo công khai cho nhân dân biết.

8. Kiểm tra ngân sách xã.

Việc kiểm tra thực hiện ngân sách ở xã, thị trấn, phường, các cấp, các ngành phải làm thường xuyên.

8.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc người được ủy quyền chuẩn chỉ kiểm tra các hoạt động thu chi của xã.

8.2. Hội đồng nhân dân giám sát, kiểm tra việc thực hiện thu chi ngân sách tại xã để có những yêu cầu cần thiết cho việc thực hiện ngân sách.

8.3. Các cơ quan tài chính cấp trên nhất là cấp huyện phải thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn công tác quản lý ngân sách xã.

C. KẾ TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ

1. Mọi hoạt động thu chi ngân sách xã, phường phải được phản ánh ghi chép theo Mục lục ngân sách nhà nước và chế độ kế toán ngân sách xã hiện hành. Đối với tài sản, vật tư, xã - phường phải có sổ sách theo dõi, quản lý riêng. Ban Tài chính có trách nhiệm chỉ đạo về mặt nghiệp vụ đối với công tác kế toán, quyết toán kể cả đối với các tổ chức, đơn vị phụ thuộc và thực hiện công tác kế toán, báo cáo kế toán và quyết toán ngân sách cấp mình. Kho bạc nhà nước nơi giao dịch thực hiện công tác

kế toán thu chi quỹ ngân sách cho từng xã theo quy định.

2. Thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách xã, phường hết ngày 31 tháng 01 năm sau.

3. Để thực hiện tốt công tác khóa sổ và quyết toán hàng năm, Ban Tài chính xã cần thực hiện các việc sau đây:

- Ngay trong tháng 12 phải rà soát tất cả các khoản thu, chi theo dự toán, từ đó có biện pháp nhằm thu đầy đủ các khoản phải thu vào ngân sách, giải quyết kịp thời các nhu cầu chi theo dự toán. Trường hợp thu có khả năng hụt phải chủ động sắp xếp lại chi, chỉ giải quyết những khoản chi cần thiết không thể đình hoãn được.

- Phối hợp với Kho bạc nhà nước nơi giao dịch đối chiếu lại tất cả các khoản thu, chi ngân sách nhà nước từ ngày 01 tháng 1 đến hết ngày 31 tháng 12, bảo đảm hạch toán đầy đủ, chính xác các khoản thu, chi theo Mục lục ngân sách nhà nước, kiểm tra lại số thu được phân chia giữa các cấp ngân sách theo tỷ lệ quy định.

+ Đối với các khoản tạm thu, tạm giữ, tạm vay (nếu có) cần xem xét xử lý hoặc hoàn trả, trường hợp cơ quan có thẩm quyền xử lý chưa xử lý thì phải làm thủ tục chuyển sang năm sau.

+ Các khoản thu để tại xã cuối năm chưa chi hết phải làm thủ tục nộp vào ngân sách xã tại Kho bạc nhà nước.

- Các khoản thu, chi phát sinh cuối năm được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

+ Các khoản thu phải nộp chậm nhất trước cuối giờ ngày 31 tháng 12, nếu nộp sau tính vào thu ngân sách năm sau.

+ Đối với các khoản chi trong trường hợp cần thiết phải chi nhưng chưa chi được do thu tập trung chậm (phải ngày cận hết năm mới thu được) thì được phép chi trong 10 ngày đầu của thời gian chỉnh lý quyết toán.

4. Quyết toán ngân sách xã hàng năm:

4.1. Ban Tài chính xã giúp Ủy ban nhân dân lập báo cáo quyết toán thu chi ngân sách xã hàng năm gửi Phòng Tài chính huyện để tổng hợp, đồng thời

trình Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn. Trường hợp báo cáo quyết toán năm của xã do Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn có sự thay đổi so với báo cáo quyết toán năm đã gửi Phòng Tài chính huyện thì báo cáo bổ sung, điều chỉnh gửi Phòng Tài chính huyện. Thời gian gửi báo cáo quyết toán năm cho Phòng Tài chính huyện chậm nhất ngày 15 tháng 2 năm sau.

4.2. Quyết toán chi ngân sách xã không được lớn hơn quyết toán thu. Kết dư ngân sách xã là số chênh lệch giữa thực thu với thực chi ngân sách xã. Toàn bộ kết dư năm trước (nếu có) được chuyển vào thu ngân sách năm sau.

4.3. Sau khi Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn, báo cáo quyết toán được lập thành 04 bản :

- + 1 bản gửi Hội đồng nhân dân xã.
- + 1 bản gửi Ủy ban nhân dân xã.
- + 1 bản gửi Phòng Tài chính huyện (nếu có bổ sung, điều chỉnh).
- + 1 bản lưu tại Ban Tài chính xã và thông báo nơi công cộng cho nhân dân trong xã biết.

4.4. Phòng Tài chính huyện có trách nhiệm kiểm tra báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách xã, nếu có sai sót thì báo cáo Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu Hội đồng nhân dân xã điều chỉnh lại theo đúng quy định.

4.5. Báo cáo quyết toán kinh phí ủy quyền (nếu có).

Trường hợp xã nhận kinh phí ủy quyền của ngân sách cấp trên phải lập báo cáo quyết toán riêng kinh phí ủy quyền theo mẫu biểu quy định của Bộ Tài chính gửi cho cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp ủy quyền.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này thay thế Thông tư số 14-TC/NSNN ngày 28/3/1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý thu chi ngân sách xã và có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 1999. Các văn bản, chế độ về quản lý thu, chi ngân sách xã trước đây trái với

quy định tại Thông tư này không còn hiệu lực thi hành.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của Đảng và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan quản lý cấp trên và đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để có biện pháp giải quyết.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 02/1999/TT-BTC ngày 05/1/1999 hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng thí điểm tại khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Quyết định số 210/1998/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng thí điểm một số chính sách phát triển khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các chế độ tài chính áp dụng thí điểm tại khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Phạm vi áp dụng:

Theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 210/1998/QĐ-TTg ngày 27/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ, phạm vi áp dụng thí điểm một số chính sách về tài chính quy định tại Thông tư này bao gồm: xã Long Thuận, Tiên Thuận, Lợi Thuận, An Thạnh thuộc huyện Bến Cầu và các xã Phước Lưu, Bình Thạnh, Phước Chỉ thuộc huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Địa bàn trên đây được gọi tắt trong Thông tư này là khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài.